

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Sinh y học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: CHU ĐÌNH TỚI

2. Ngày tháng năm sinh: 24/04/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Sơn Đà – Huyện Ba Vì – Thành Phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): The K Park – KĐT Văn Phú mới – Phường Phú La – Quận Hà Đông – Thành Phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Căn hộ 2205, K2, The K Park – KĐT Văn Phú mới – Phường Phú La – Quận Hà Đông – Thành Phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0966409784; E-mail: toicd@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 08/2008 đến tháng 02/2021: Giảng viên tập sự (2008-2011), rồi giảng viên (2011-2021) tại Khoa Sinh, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội. Trong thời gian này, đi học Thạc sỹ tại Hàn Quốc (2009-2011), Tiến sĩ tại Ba Lan và (2012-2015), rồi nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tại Na Uy (2015-2018).

- Từ tháng 03/2021-12/2021: Giảng viên; Phó chủ nhiệm Bộ môn Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; Trưởng nhóm nghiên cứu Khoa học Y sinh và Sức khỏe, Khoa Quốc tế (Nay là Trường Quốc tế), Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Từ tháng 01/2022-10/2023: Giảng viên; Trưởng Khoa Khoa các Khoa học Ứng dụng; và Trưởng nhóm nghiên cứu Khoa học Y sinh và Sức khỏe, Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Từ tháng 10/2023-nay: Giảng viên; Trưởng Khoa Khoa các Khoa học Ứng dụng; và Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN – Nhóm nghiên cứu Liên ngành về Y sinh và sức, Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa, Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa các Khoa học Ứng dụng, Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà C, Làng sinh viên Hacinco, 76 Ngụy Như Kom Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Trường Đại học Y Hà Nội, Học viện Quân Y, và Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không có.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội, Học viện Quân Y, và Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 22 tháng 4 năm 2006; số văn bằng: 684738; ngành: Thú y; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 18 tháng 02 năm 2011; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Ulsan, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 12 tháng 11 năm 2015; số văn bằng: 2096/26/2015; ngành: Y học; chuyên ngành: Sinh y; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Y khoa Bialystock, Ba Lan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy, cả trong và ngoài nước, ứng viên triển khai nhiều dự án và nghiên cứu theo các hướng liên quan đến y sinh và sức khỏe, trong đó tập trung nhiều vào:

- Hướng nghiên cứu 1: Y sinh học phân tử.

Theo hướng này, ứng viên nghiên cứu cơ chế phát sinh bệnh, quá trình phát triển, cơ chế phân tử của các bệnh liên quan đến sức khỏe con người và động vật như ung thư, rối loạn chuyển hoá, các bệnh truyền nhiễm v.v. Các mô hình được sử dụng trong nghiên cứu theo hướng này của ứng viên rất đa dạng từ tế bào, mô người và động vật, đến mô hình động vật thí nghiệm như chuột. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong hướng này là thường quy trong y sinh học như phân lập và nuôi cấy vi khuẩn/tế bào động vật, gây bệnh thực nghiệm trên động vật, các phương pháp xét nghiệm và đánh giá di truyền (như PCR, qPCR, giải trình tự gen v.v.), các phương pháp xét nghiệm và đánh giá protein (như western blot), các phương pháp xét nghiệm hoá sinh/miễn dịch, các phương pháp nghiên cứu và xét nghiệm hình ảnh v.v. Ngoài ra ứng viên cũng ứng dụng các phương pháp và công cụ công IT và AI trong phân tích dữ liệu và xây dựng mô hình dự đoán.

- Hướng nghiên cứu 2: Sức khỏe cộng đồng.

Theo hướng này, ứng viên tiến hành nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và hiệu quả chẩn đoán/phòng/trị bệnh cho người và động vật (như các yếu tố kinh tế, xã hội, tâm lý, dinh dưỡng, môi trường v.v.). Đồng thời, gánh nặng bệnh tật và đặc điểm dịch tễ các bệnh, đặc điểm lâm sàng/cận lâm sàng và sức khỏe môi trường cũng là các chủ đề quan tâm nghiên cứu của ứng viên. Do đó, các phương pháp nghiên cứu được ứng viên triển khai gồm nghiên cứu hồi cứu (retrospective study), nghiên cứu trường hợp (case study), nghiên cứu đoàn hệ (cohort study), nghiên cứu cắt ngang (cross-sectional study) v.v.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã và đang hướng dẫn (số lượng): **03** nghiên cứu sinh, trong đó có **02** nghiên cứu sinh (hướng dẫn chính **01** nghiên cứu sinh) đã bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng tiến sĩ.

- Đã hướng dẫn (số lượng): **08** HVCH (hướng dẫn chính **03** học viên) đã bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng thạc sĩ.

- Tính đến tháng 6/2025, ứng viên đã và đang thực hiện một số đề tài KH&CN từ cấp cơ sở trở đến nhà nước. Trong đó, ứng viên đã chủ trì hoặc đồng chủ trì **06** đề tài các cấp, gồm:

+ Chủ trì 01 đề tài Nafosted (tương đương cấp nhà nước) đã hoàn thiện và nghiệm thu.

+ Chủ trì 01 đề tài cấp ĐHQGHN (tương đương cấp Bộ) đã hoàn thiện và nghiệm thu.

+ Chủ trì 02 đề tài KH&CN cấp cơ sở Trường Quốc tế - ĐHQGHN đã hoàn thiện và nghiệm thu.

+ Đồng chủ trì 02 đề tài KH&CN cấp cơ sở Trường Đại học Y Hà Nội đã hoàn thiện và nghiệm thu.

- Đã công bố theo các hướng nghiên cứu ở trên (*chọn lọc*): **76** bài báo khoa học/chương sách, trong có **41** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín WoS/Scopus, **01** bài báo quốc tế khác, **17** bài báo trên tạp chí trong nước, **04** bài báo trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia, và **13** chương sách quốc tế thuộc các NXB uy tín như Springer and Elsevier.

- Đã có **02** độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn.

- Số lượng sách theo hướng nghiên cứu ở trên đã xuất bản (*chọn lọc*): **04**, trong đó **01** thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước và **03** thuộc nhà xuất bản uy tín nước ngoài.

- Chủ trì, tham gia các Hội nghị, Hội thảo khoa học: Tham gia tổ chức hội nghị/hội thảo, chủ toạ một phiên chuyên đề, báo cáo mời v.v. tại ít nhất 16 hội nghị quốc gia và quốc tế, ví dụ tham gia Ban tổ chức tại Hội nghị khoa học quốc gia về Nghiên cứu và giảng dạy Sinh học lần thứ 6 (năm 2024, tại Đại học Huế), hay chủ toạ Phiên về tế bào gốc tại Hội nghị quốc tế lần thứ 6 về vật liệu trong y học tái tạo (năm 2023, tại Đài Loan – Trung Quốc)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen, bằng khen (*chọn lọc*):

+ 2024, Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2024. Theo Quyết định số 175/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/01/2025 của Giám đốc ĐHQGHN

+ 2023, Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023. Theo Quyết định số 231/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2024 của Giám đốc ĐHQGHN

+ 2023: Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Quốc tế cho năm học 2022-2023 theo Quyết định số theo quyết định số 873/QĐ-TQT, ngày 19/07/2024, Trường Quốc tế - ĐHQGHN

+ 2022: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022, Theo Quyết định số 586/QĐ-BGDĐT ngày 24/02/2023 của Bộ trưởng BGDĐT

+ 2022: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN vì có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo 2022, Theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/02/2023 của Giám đốc ĐHQGHN

+ 2022: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho cá nhân thuộc Trường Quốc tế có thành tích xuất sắc cho năm học 2021-2022, Theo Quyết định số 3375/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/10/2022 của Giám đốc ĐHQGHN

+ 2021: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN vì có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đăng ký sở hữu trí tuệ năm 2021, Theo Quyết định số 469/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/02/2022 của Giám đốc ĐHQGHN

- Danh hiệu (*chọn lọc*):

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 03 năm gần đây: Năm học 2023-2024 (QĐ số 256/QĐ-TQT, ngày 25/02/2025), năm học 2022-2023 (QĐ số 873/QĐ-TQT, ngày 19/07/2024), năm học 2021-2022 (QĐ số 779/QĐ-TQT, ngày 04/08/2022)

+ 2024: Danh hiệu “Cá nhân nhiều đóng góp cho hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường năm 2024”, Theo Quyết số 310/QĐ-TQT, ngày 04/03/2025, Trường Quốc tế - ĐHQGHN

+ 2024: Danh hiệu “Cá nhân có thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế WoS/Scopus năm 2024”, Theo Quyết định số 311/QĐ-TQT, ngày 04/03/2025, Trường Quốc tế - ĐHQGHN

+ 2023: Danh hiệu “Cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển KH&CN của Trường năm 2023”, Theo Quyết định số theo quyết định số 1709/QĐ-TQT, ngày 29/12/2023, Trường Quốc tế - ĐHQGHN

+ 2021: Danh hiệu “Nhà Khoa Có công bố xuất sắc năm 2021”, theo Quyết định số 72/QĐ-KQT ngày 21/01/2022 của Chủ nhiệm Khoa Quốc tế (nay là Trường Quốc tế)

+ 2018: Huy hiệu tuổi trẻ sáng tạo, Theo Quyết định số 494 QĐ/TWĐTN ngày 28/12/2018 của Bí thư TWĐTN

- Giải thưởng (*chọn lọc*):

+ 2024, Giải thưởng Nhà giáo đổi mới sáng tạo Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2024, Theo Quyết định số 44/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/01/2025 của Giám đốc ĐHQGHN

+ 2022: Giải thưởng Nhà giáo Đại học Quốc gia Hà Nội 2022, Theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/01/2022 của Giám đốc ĐHQGHN

+ 2019: Giải thưởng Đặng Văn Ngữ 2019 (Giải Cống hiến và hợp tác khoa học – Công nghệ), Theo Quyết định số 6505/QĐ-ĐHYHN ngày 03/12/2019 của Hiệu trưởng trường ĐHYHN

+ 2018: Giải thưởng nghiên cứu Khoa học Công nghệ Thanh niên Quả cầu vàng 2018, Theo Quyết định số 493 QĐ/TWĐTN ngày 24/12/2018 của Bí thư TWĐTN

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Tiêu chuẩn nhà giáo

Ứng viên là một giảng viên tại Khoa các Khoa học Ứng dụng, Trường Quốc tế - ĐHQGHN từ năm 2021 đến nay. Trước đó, ứng viên là giảng viên tại Bộ môn Sinh lý người và Động vật – Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội từ năm 2008-2021. Trong suốt quá trình công tác, ứng viên luôn có tư tưởng lập trường vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và ý thức tổ chức kỷ luật cao, có đủ sức khỏe, có thái độ làm việc cầu thị, nghiêm túc, có trách nhiệm trong công việc và luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Ứng viên được đào tạo trình độ đại học chuyên ngành thú y (khóa 2001-2006) tại Học viện nông nghiệp Việt Nam (trước đây là Đại học Nông nghiệp I Hà Nội) và thạc sĩ sinh học (khóa 2008-2011) tại Đại Ulsan Hàn Quốc, rồi học tiến sĩ về Sinh y (Khóa học 2012-2015) tại Đại học Y Bialystock Ba Lan. Sau đó, ứng viên tiếp tục làm nghiên cứu sau tiến sĩ về sinh y tại Trung tâm y học phân tử Na Uy và Viện nghiên cứu ung thư Na Uy (từ năm 2015-2018). Tất cả quá trình học tập và nghiên cứu ở nước ngoài của ứng viên ở Hàn Quốc, Ba Lan và Na-Uy đều nhận học bổng toàn phần từ các nước bạn hoặc của liên minh Châu Âu.

Sau khi hoàn thành chương trình học tập và nghiên cứu sau tiến sĩ ở nước ngoài, trở lại công tác tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, rồi chuyển sang công tác tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN ứng viên được giao các nhiệm vụ trong công tác đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, các hoạt động chuyên môn khác và công tác quản lý. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, ứng viên luôn trung thực, khách quan, luôn tận tâm với công việc. Luôn tự học, tự nghiên cứu, lắng nghe ý kiến góp ý của đồng nghiệp để trau dồi tiến bộ. Luôn đổi mới về phương pháp dạy học, sáng tạo trong cách triển khai để đạt hiệu quả tốt nhất trong dạy và học. Được sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, và đồng nghiệp tin tưởng. Ứng viên được ĐHQGHN và Nhà trường đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ từ mức tốt trở lên và chưa từng nhận bất kỳ hình thức kỷ luật nào, và được ĐHQGHN và Trường Quốc tế ghi nhận một số thành tích trong công tác giảng dạy như được giải thưởng nhà giáo ĐHQGHN năm 2022, và giải thưởng nhà giáo đổi mới sáng tạo ĐHQGHN năm 2024, và bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN vì có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các năm 2021, 2022, và 2023 và 2024.

b. Nhiệm vụ nhà giáo

Ứng viên luôn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của một giảng viên theo luật Giáo dục và các văn bản quy định của Nhà trường. Ứng viên luôn hoàn thành và vượt định mức nhiệm vụ giảng dạy. Ứng viên tham gia giảng dạy trình độ đại học các học phần: Miễn dịch học, Lý sinh học, Sinh học Đại cương, Sinh lý người, Sinh lý thần kinh, Bệnh học động vật, Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, Tiếng Anh chuyên ngành sinh học, v.v. Ứng viên tham gia giảng dạy trình độ sau đại học các học phần: Tế bào gốc và ứng dụng, Y sinh

học phân tử, và Phương pháp cứu khoa học v.v. Trong đó, ứng viên thường xuyên cập nhật các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy.

Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn hoàn thành và vượt định mức nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định của Trường Quốc tế và ĐHQGHN. Bên cạnh việc hướng dẫn sinh viên thực hiện khoá luận, học viên thực hiện luận văn, và nghiên cứu sinh tiến sĩ thực hiện luận án, ứng viên còn xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu khoa học để thúc đẩy việc triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và đào tạo các nghiên cứu viên và giảng viên trẻ trong nghiên cứu khoa học. Đầu năm 2021, ứng viên đã xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu cấp cơ sở tại Trường Quốc tế với tên nhóm nghiên cứu Khoa học Y sinh và Sức khoẻ (Theo QĐ số 206/QĐ-KQT, ngày 23/06/2021), nhóm đã phát triển vững mạnh với nhiều thành quả nổi bật và được công nhận là nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN có tên “Nhóm nghiên cứu liên ngành về y sinh và sức khoẻ” (Theo QĐ số 4013/QĐ-ĐHQGHN, ngày 24/10/2023) với thường xuyên có khoảng 60 thành viên tham gia nghiên cứu. Từ khi được thành lập, nhóm nghiên cứu đã có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học, hợp tác phát triển, và đào tạo cá thể hoá v.v. được Trường Quốc tế và Đại học Quốc gia Hà Nội ghi nhận như đạt Danh hiệu Nhóm nghiên cứu tiêu biểu của Trường Quốc tế năm 2023, Danh hiệu Nhóm nghiên cứu khoa học có thành tích xuất sắc năm 2024 của Trường Quốc tế, Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho nhóm nghiên cứu mạnh có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023, và Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho tập thể có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2024. Tính đến thời điểm 6/2025, ứng viên đã và đang tham gia thực hiện một số đề tài các cấp trong và ngoài nước, trong đó ứng viên chủ trì hoặc đồng chủ trì 06 đề tài khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở đến nhà nước. Sản phẩm nghiên cứu khoa học của ứng viên được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hội thảo/hội nghị và các nhà xuất bản uy tín trong nước và quốc tế, cho đến thời điểm hiện tại, ứng viên đã công bố hơn 70 bài báo khoa học và chương sách theo hướng nghiên cứu trình bày ở trên. Đồng thời ứng viên cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng với 04 đơn sở hữu trí tuệ đã được gửi đi, trong đó có 02 đơn đã được chấp nhận. Ngoài ra, ứng viên cũng có 04 cuốn sách theo hướng nghiên cứu đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, trong đó có 03 cuốn xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín thế giới. Bên cạnh đó, ứng viên cũng có các nghiên cứu/công bố theo các hướng liên ngành khác, cũng như xuất bản một số sách phát triển kỹ năng và khích lệ tinh thần học tập của học sinh và sinh viên Việt Nam.

Ứng viên tham gia tích cực vào công tác xây dựng, phát triển, cập nhật và cải tiến các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học, trong đó có vai trò là Tổ trưởng tổ công tác xây dựng và phát triển chương trình Thạc sĩ Công nghệ kỹ thuật y sinh – chương trình đã được ĐHQGHN thông qua và đang được Trường Quốc tế tổ chức đào tạo từ năm 2024 với hơn 20 học viên đang theo học. Ứng viên đang tham gia tích cực công tác phát triển chuyên môn và nghiên cứu khoa học của Khoa và Nhà trường với vai trò Trưởng Khoa các khoa học Ứng dụng, Trưởng nhóm học phần y sinh và sức khoẻ (phụ trách chương trình Thạc sĩ Công nghệ kỹ thuật y sinh), và Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN. Ngoài ra, ứng viên tích cực tham gia các hoạt động khác Nhà trường như thành viên của nhiều tổ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

công tác về tổ chức cán bộ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác sinh viên, tuyển sinh v.v. và các công tác đoàn thể, Công đoàn và Đoàn thanh niên của Trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019					360		360/408,36/270
2	2019-2020					294		294/444,9/270
3	2020-2021		1	1 (Chính)		165		165/294,04/270
4	2021-2022	1	1	1 (Chính)		210		210/404,47/207
03 năm học cuối								
5	2022-2023	1	2	3 (Phụ)	03	236	60	296/526,06/162
6	2023-2024	1	2	2 (Phụ)	02	195	90	285/488,11/162
7	2024-2025		1	1 (Chính)		90	229	315/414/162

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại: Hàn Quốc năm 2020 (Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng để học tập và bảo vệ luận văn Thạc sĩ), và bảo vệ luận án TS ☒ tại: Ban Lan năm 2015 (Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng để học tập NCS và bảo vệ luận án tiến sĩ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh; Học phần: Tiếng Anh chuyên ngành sinh học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Y học phân tử bằng Tiếng Anh tại Trường Đại học khoa học và Công nghệ Hà Nội, giảng dạy các học phần chuyên môn bằng Tiếng Anh tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN như Sinh học Đại cương, Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học v.v.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): giảng dạy cơ hữu tại Khoa sinh Trường ĐHSPT Hà Nội (Trước 03/2021), và Trường Quốc tế - ĐHQGHN (Từ 03/2021-nay); và thỉnh giảng ở một số Trường/Học viện khác như Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Học viện Quân Y, và Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT

4.1. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn (năm đến năm)	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Duy Hà	X		X		2021-2024	Học viện Quân Y	Cấp bằng ngày 20 tháng 12 năm 2024
2	Vũ Thuỳ Dương		X	X		2022-2024	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ ngày 14 tháng 03 năm 2025

3	Vũ Thị Huệ		X		X	2022-2024	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQGHN	Cấp bằng ngày 28 tháng 06 năm 2024
4	Hà Văn Hưng	X			X	2020-2023	Trường Đại học Y Hà Nội	Cấp bằng ngày 24 tháng 08 năm 2023
5	Bùi Nhật Lệ		X		X	2021-2023	Trường Đại học Dược Hà Nội	Cấp bằng ngày 14 tháng 06 năm 2023
6	Bùi Thị Thu Hằng		X		X	2020-2022	Trường ĐHSPP Hà Nội	Cấp bằng ngày 20 tháng 09 năm 2022
7	Lại Hồng Thịnh		X		X	2020-2022	Trường ĐHY Hà Nội	Cấp bằng ngày 28 tháng 02 năm 2022
8	Phạm Quốc Khánh		X		X	2020-2022	Trường ĐHY Hà Nội	Cấp bằng ngày 28 tháng 02 năm 2022
9	Nguyễn Quốc Đạt		X	X		2019-2021	Trường ĐHSPP Hà Nội	Cấp bằng ngày 30 tháng 12 năm 2021
10	Lê Thị Duyên		X	X		2018-2020	Trường ĐHSPP Hà Nội	Cấp bằng ngày 18 tháng 01 năm 2021

4.2. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đang thực hiện

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn (năm đến năm)	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Vũ Trí Quang	X			X	2022-2025	Học viện Quân Y	Dự kiến tốt nghiệp tháng 12/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (*chọn lọc theo hướng nghiên cứu*):

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1.	Bệnh học Động vật	TK	NXB ĐHSPHN, năm 2013	02		Chương 1 (Trang 8-37); Chương 3 (Trang 50-109); Chương 5 (Trang 126-140); Phần thực hành (Trang 144-156)	06/GCN-TQT của Trường Quốc tế - ĐHQGHN; 130/GCN-ĐHSPHN của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội
II	Sau khi được công nhận TS						
1.	Microbial Genomic Islands in Adaptation and Pathogenicity	TK	NXB Springer (Springer Nature Singapore), năm 2023	04	X (Đồng chủ biên)	Chương 6 (Trang 111-126)	06/GCN-TQT của Trường Quốc tế - ĐHQGHN
2	RNA Therapeutics Part A - Progress in Molecular Biology and Translational	TK	NBX Elsevier (Academic Press), năm 2024	02	X (Đồng chủ biên)	Chương 1 (Trang 1-10); Chương 4 (Trang 65-78); Chương 5 (Trang 83-	06/GCN-TQT của Trường Quốc tế - ĐHQGHN

	Science, Volume 203					95); Chương 10 (Trang 181-194); Chương 12-16 (Trang 225-296)	
3	RNA Therapeutics Part B - Progress in Molecular Biology and Translational Science, Volume 204	TK	NBX Elsevier (Academic Press), năm 2024	02	X (Đồng chủ biên)	Chương 7 (Trang 163-176); Chương 11-12 (Trang 295-330)	06/GCN- TQT của Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu (Chọn lọc):

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đề tài Nafosted Nghiên cứu sự biểu hiện và thay đổi của một số thụ thể sinh	Chủ nhiệm	106.02- 2019.314, Quỹ Nafosted	2020-2023	Ngày 29 tháng 11 năm 2024 Xếp loại: Đạt

	học quan trọng trên mô mỡ ở chuột				
2	Đề tài ĐHQGHN Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, phi lâm sàng, dịch tễ và sự biến đổi, đột biến gene ở bệnh nhân ung thư buồng trứng	Chủ nhiệm	776/QĐ-ĐHQGHN, Đại học Quốc gia Hà Nội	2021-2023	Ngày 03 tháng 05 năm 2024 Xếp loại: Tốt
3	Đề tài KH&CN cấp cơ sở Nghiên cứu thực trạng triệu chứng hậu COVID-19 và một số yếu tố liên quan tại Việt Nam năm 2022	Chủ nhiệm	CS.NNC/2022-01, Trường Quốc tế – ĐHQGHN	2022-2023	Ngày 27 tháng 06 năm 2024 Xếp loại: Tốt (Đạt 82/100 điểm)
4	Đề tài KH&CN cấp cơ sở Nghiên cứu sự sẵn sàng tiêm phòng vắc xin COVID-19 ở Việt Nam năm 2021	Chủ nhiệm	CS.NNC/2021-06, Khoa Quốc tế (Nay là Trường Quốc tế) – ĐHQGHN	2021-2022	Ngày 14 tháng 04 năm 2022 Xếp loại: Tốt (Đạt 87/100 điểm)
5	Đề tài KH&CN cấp cơ sở Đặc điểm lâm sàng, X-Quang và di truyền phân tử ở bệnh nhân có hội chứng loạn sản ngoại bì thiếu tuyến mồ hôi	Đồng chủ nhiệm	2062/QĐ-ĐHYHN, Đại học Y Hà Nội	2017-2018	Ngày 30 tháng 01 năm 2018 Xếp loại: Xuất sắc
6	Đề tài KH&CN cấp cơ sở So sánh kết quả điều trị hỗ trợ viêm lợi	Đồng chủ nhiệm	2063/QĐ-ĐHYHN, Đại học Y Hà Nội	2017-2018	Ngày 30 tháng 01 năm 2018 Xếp loại: Khá

	của dung dịch nước muối điện hóa Dr.CEA và dung dịch nước xúc miệng KIN Gingival				
--	--	--	--	--	--

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (chọn lọc theo hướng nghiên cứu):

Ghi chú: (X): Là tác giả chính (đứng đầu và/hoặc tác giả liên hệ)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF/CiteScore, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I. Trước khi bảo vệ Tiến sĩ								
Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus								
1	Mest and Sfrp5 are biomarkers for healthy adipose tissue	4		Biochimie/0300-9084	SCIE; Q1; IF=3.3	39	124: 124-133, DOI: https://doi.org/10.1016/j.biochi.2015.05.006	05/2016
2	Expression of Adipocyte Biomarkers in a Primary Cell Culture Models Reflects Prewaning Adipobiology	4	X (Tác giả đầu)	Journal of Biological Chemistry/1083-351X	SCIE; Q1; IF=4	51	289(26): 18478-88, DOI: https://doi.org/10.1074/jbc.M114.555821	06/2014
Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia								
3	Quy trình phân lập ARN từ mô chuột thí nghiệm sinh y	1	X (Tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội/2354-1075			6: 110-116	2014

4	Application of a toxin-antibody conjugate to treat acute graft versus host disease (aGVHD) in mouse model	3	X (Tác giả đầu)	HNUE Journal of Science, Natural Sciences/2354-1075			56 (7): 132-137	2011
5	In vitro depleting antigen – specific T cell by a promising toxin-antibody conjugate	3	X (Tác giả đầu)	HNUE Journal of Science, Natural Sciences/2354-1075			56 (7): 124-131	2011
Bài báo xuất bản trên hội nghị khoa học quốc gia								
6	Nghiên cứu các tế bào ức chế miễn dịch có nguồn gốc Myeloid trong tiểu môi trường ung thư	1	X (Tác giả đầu)	Hội nghị khoa học quốc gia về Nghiên cứu và giảng dạy Sinh học lần thứ 1/Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội/978-604-60-0157-7			735-740	12/2012
II. Sau khi bảo vệ Tiến sĩ								
Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus								
7	Effects of high fat diet on blood lipids and liver enzymes in murine model: the systemic and experimental study	10	X (Tác giả liên hệ)	Obesity Medicine/2451-8476	Scopus, Q3, ScitScore= 5.5	0	55, 100614, DIOI: https://doi.org/10.1016/j.obmed.2025.100614	5/2025
8	Enhanced mitochondrial function and delivery from adipose-derived stem cell spheres via the EZH2-H3K27me3-PPAR γ pathway for advanced therapy	9		Stem Cell Research & Therapy/1757-6512	SCIE; Q1; IF=7.1	0	16(1):129. Doi: 10.1186/s13287-025-04164-1.	3/2025

9	Trends in the global, regional, and national burden of oral conditions from 1990 to 2021: a systematic analysis for the Global Burden of Disease Study 2021	117		The Lancet/0140-6736	SCIE; Q1; IF=98.4, CiteScore=148.1	13	S0140-6736(24)02811-3. DOI: 10.1016/S0140-6736(24)02811-3.	2/2025
10	Variation in body weight, glucose/insulin tolerances, blood lipids and liver enzymes in mice in response to a high-fat-diet from lard	8	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Biochemical and Biophysical Research Communications/0006-291X	SCIE, Q2, IF=2.5	0	733, 12, DOI:https://doi.org/10.1016/j.bbrc.2024.150430	11/2024
11	Global, regional, and national burden of gout, 1990-2020, and projections to 2050: a systematic analysis of the Global Burden of Disease Study 2021	108		Lancet Rheumatology/2665-9913	SCIE; Q1; IF=15, CiteScore=34.7	61	6(8):e507-e517. DOI: 10.1016/S2665-9913(24)00117-6	09/2024
12	NGS Analysis of the BRCA1/BRCA2 Variants in the Ovarian Cancer Patients at High versus Low Risk of Mutation	11	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Thai Journal of Obstetrics and Gynaecology/0857-6084	Scopus, Q4	2	32, 5, DOI: https://doi.org/10.14456/tjog.2024.41	09/2024
13	The effects of a diet with high fat content from lard on the health and adipose-markers' mRNA expression in mice	4	X (Tác giả đầu)	Science Progress/0036-8504	SCIE, Q1, IF=2.6	1	107(3): https://doi.org/10.1177/00368504241269431	08/2024
14	Nutritional status and related factors in Vietnamese students in 2022	11	X (Tác giả liên hệ)	Clinical Nutrition Open Science/2667-2685	Scopus, Q3	2	54: 140-150, DOI: https://doi.org/10.1016/j.nutos.2024.02.005	04/2024
15	Evaluation of the safety and immune stimulatory effects of	7	X (Đồng tác giả)	Heliyon/2405-8440	Scopus, Q1,	2	10(2):e24691, DOI: https://doi.	01/2024

	multi-strain Lab Mix product on laboratory animals		liên hệ)		CiteScore= 4.5		org/10.1016/j.heliyon.2024.e24691	
16	The impact of COVID-19 and other factors on the usage status of the biologic drug therapies for rheumatoid arthritis: A study from Vietnam	11	X (Tác giả liên hệ)	Reumatología Clínica/2173-5743	SCIE ,Q3, IF= 1.2	0	20(3):128-135. DOI: https://doi.org/10.1016/j.reuma.2024.02.003	03/2024
17	Nutritional status of patients with ovarian cancer and associated factors	6	X (Tác giả liên hệ)	World Academy of Sciences Journal/2632-2900	Scopus, Q3	0	5 (6), DOI: https://doi.org/10.3892/wasj.2023.213	12/2023
18	Willingness and attitudes of parents towards COVID-19 vaccines for children in Vietnam	7	X (Đồng tác giả liên hệ)	Journal of Communication in Healthcare/1753-8068	Scopus, Q3	6	16,1,75-82, DOI: https://doi.org/10.1080/17538068.2022.2150207	11/2023
19	Next generation sequencing for the formalin-fixed paraffin-embedded samples of ovarian cancer in Vietnam	4	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Journal of Advanced Biotechnology and Experimental Therapeutics /2616-4760	Scopus; Q3	0	6(3): 701-710 DOI: https://doi.org/10.5455/jabet.2023.d160	09/2023
20	Nanotechnology and nucleic acid nanoparticles for metabolic disorders	9	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	OpenNano/2352-9520	Scopus, Q1, CiteScore= 4.1	6	13, DOI: https://doi.org/10.1016/j.onano.2023.100181	08/2023
21	Willingness to receive COVID-19 vaccine in relation to psychological wellbeing among a sample of university students in Vietnam	9	X (Đồng tác giả liên hệ)	Middle East Current Psychiatry/2090-5416	Scopus Q3	0	30, DOI: https://doi.org/10.1186/s43045-023-00335-z	08/2023

22	Changes in preterm birth and stillbirth during COVID-19 lockdowns in 26 countries	115		Nature Human Behaviour/2397-3374	SCIE, Q1, IF=22.3	102	7:529–544, DOI: https://doi.org/10.1038/s41562-023-01522-y	01/2023
23	Food poisoning: A case study in Vietnam	7	X (Tác giả liên hệ)	Case Studies in Chemical and Environmental Engineering/2666-0164	Scopus, Q1, SciteScore =9.2	10	49–50, DIO: https://doi.org/10.1016/j.cscee.2022.100295	01/2023
24	The expression and mutation of BRCA1/2 genes in ovarian cancer: a global systematic study	6	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Expert Review of Molecular Diagnostics/1473-7159	SCIE, Q2, IF= 3.9	2	23(1):53–61, DOI: 10.1080/14737159.2023.2168190	01/2023
25	Social distancing and physical isolation associated - malnutrition and COVID-19	4	X (Tác giả đầu)	New microbes and new infections/2052-2975	SCIE, Q2, IF =2.9	0	49–50, DIO: https://doi.org/10.1016/j.nmni.2022.101048	12/2022
26	Children orphaned by COVID-19: A grim picture and the need of urgent actions	4	X (Tác giả đầu)	Travel Medicine and Infectious Disease/1473-7893	SCIE; Q1, IF=6.3	8	50, DOI: https://doi.org/10.1016/j.tmaid.2022.102446	12/2022
27	COVID-19 and environmental health: A systematic analysis for the global burden of biomedical waste by this epidemic	8	X (Tác giả liên hệ)	Case Studies in Chemical and Environmental Engineering/2666-0164	Scopus, Q1, SciteScore =9.2	19	6, DOI: https://doi.org/10.1016/j.cscee.2022.100245	12/2022
28	The mental health by Covid-19 in students in Vietnam: an initial assessment	4	X (Tác giả liên hệ)	Journal of Loss and Trauma/1532-5024	SCIUE, Q2, IF=2.5	0	3:276–278, DOI: https://doi.org/10.1080/15325024.2022.2046675	03/2022

29	Adipogenesis of ear mesenchymal stem cells (EMSCs): adipose biomarker-based assessment of genetic variation, adipocyte function, and brown/brite differentiation	4	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Molecular and Cellular Biochemistry/1573-4919	SCIE; Q2; IF=3.5	6	477(4):1053-1063, DOI: 10.1007/s11010-021-04350-8	01/2022
30	Willingness to receive COVID-19 vaccine booster doses for adults and their children in Vietnam	10	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Journal of Human Behavior in the Social Environment /1540-3556	Scopus; Q1	11	33, 2; DOI: https://doi.org/10.1080/10911359.2022.2046235	03/2022
31	The emergence of the omicron (B. 1.1. 529) SARS-CoV-2 variant: what is the impact on the continued pandemic?	5		Journal of Epidemiology and Global Health/2210-6014	Scopus, Q1	36	12(2):143-146, DOI: https://doi.org/10.1007/s44197-022-00032-w	01/2022
32	Transmission of SARS-CoV-2 infections and exposure in surfaces, points and wastewaters: A global one health perspective	5	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Case Studies in Chemical and Environmental Engineering/2666-0164	Scopus, Q1, SciteScore =9.2	29	5, DOI: https://doi.org/10.1016/j.cscee.2022.100184	05/2022
33	Exploring the potential of stem cell-based therapy for aesthetic and plastic surgery	11	X (Đồng tác giả liên hệ)	EEE Reviews in Biomedical Engineering/1941-1189	SCIE; Q1; IF=17.2	18	6:386-402, DOI: 10.1109/RBME.2021.3134994	12/2021
34	The Effectiveness of Early Childhood Caries Treatment with MI Varnish Fluor in Obese Subjects: A Study from Vietnam	3	X (Tác giả liên hệ)	Children (Basel)/2227-9067	Scopus; Q2; IF=2.0	3	8(12):1151, DOI: 10.3390/children8121151	12/2021
35	Obesity and hypertension in Asia:	2	X (Tác giả đầu,	The Lancet Regional Health –	SCIE; Q1; IF=7.6	13	15:100243, Doi: 10.1016/j.	08/2021

	Current status and challenges		tác giả liên hệ)	Western Pacific/2666 6065			lanwpc.2021.100243	
36	Early Childhood Caries in Obese Children: The Status and Associated Factors in the Suburban Areas in Hanoi, Vietnam	4	X (Tác giả liên hệ)	International Journal of Environmental Research and Public Health/2360-8803	Scopus; Q2; SciteScore =7.3	14	18(16):8844, DOI: 10.3390/ijerph18168844	08/2021
37	Nutritional status and associated factors in children aged 15-17 years in a suburb in Vietnam	8	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Journal of Advanced Biotechnology and Experimental Therapeutics /2616-4760	Scopus; Q4	0	4(1): 17-24, DOI: 10.5455/jabet.2021.d102	04/2021
38	Optic atrophy 1 controls human neuronal development by preventing aberrant nuclear DNA methylation.	16		iScience/2589-0042	Scopus, Q1, SciteScore =7.2	25	23(6):101154, DOI: 10.1016/j.isci.2020.101154	06/2020
39	Laparoscopic living donor right nephrectomy: Assessment of outcome and association of BMI to length of right renal vein	7	X (Tác giả liên hệ)	Actas Urológicas Españolas/2173-5786	SCIE; Q3; IF=1.136	7	43(10):536-542, DOI: 10.1016/j.acuro.2019.05.005	12/2019
40	Percentage Body Fat is As a Good Indicator for Determining Adolescents Who Are Overweight or Obese: A Cross-Sectional Study in Vietnam	4	X (Tác giả liên hệ)	Osong Public Health and Research Perspective/2233-6052	Scopus, Q3	48	10(2):108-114. DOI: 10.24171/j.phrp.2019.10.2.10	04/2019
41	Prevalence of dental fear and its relationship with primary dental caries	13	X (Đồng tác giả liên hệ)	Pediatric Dental Journal/0917-2394	Scopus, Q3	20	29(2): 84-89, DOI: https://doi.org/10.1016/j.pdj.2	08/2019

	in 7-year-old-children						019.04.00 2	
42	OPA1-anchored PKA phosphorylates perilipin on S522 and S497 to activate ATGL and HSL in human adipose stem cells	10		Molecular Biology of the Cell/1059-1524	SCIE; Q1; IF=4.942	28	29(12): 1487–1501; DOI: https://doi.org/10.1091/mbc.E17-09-0538	09/2018
43	Childhood Obesity Is a High-risk Factor for Hypertriglyceridemia : A Case-control Study in Vietnam	5	X (Tác giả liên hệ)	Osong Public Health Res Perspect/2233-6052	Scopus, Q2	36	8(2): 138-146; DOI: 10.24171/j.phrp.2017.8.2.06	04/2017
44	Prevalence of early childhood caries and its related risk factors in preschoolers: Result from a cross sectional study in Vietnam	7	X (Đồng tác giả liên hệ)	Pediatric Dental Journal/0917-2394	Scopus, Q4	34	27(2): 79-84, DOI: https://doi.org/10.1016/j.pdj.2017.03.001	08/2017
45	C57BL/6J mice as a polygenic developmental model of diet-induced obesity	4	X (Tác giả đầu)	Physiological Reports/2051-817X	Scopus; Q2	103	5(7): e13093, DOI: https://doi.org/10.14814/phy2.13093	04/2017
Bài báo xuất bản trên tạp chí tế khác								
46	A protein isolation method for western blot to study histones with an internal control protein	2	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Journal of Advanced Biotechnology and Experimental Therapeutics/2616-4760	Chưa vào Scopus	0	1(1) : 25-28, DOI: 10.5455/jabet.d4	12/2017
Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia								

47	A method for growing and differentiating the C2C12 muscle cell line in the laboratory	3		HPU2 Journal of Sciences: Natural Sciences and Technology/ 2815-5637		3, 1, DOI: https://doi.org/10.56764/hpu2.jos.2024.3.1.13-19	06/2024
48	RNA isolation by two different methods in analysing adipose-biomarkers of mouse adipose tissues	3	X (Tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/2615-9937		66 (1), DOI: https://doi.org/10.31276/VJSTE.66(1).84-89	03/2024
49	The acute toxicity and semi-chronic toxicity of bacimix product containing two strains of bacillus subtilis bs 304.04 and bacillus coagulans bc 304.06 on experimental animal model	7		Tạp chí Y học Quân sự./1859-1655		47 (7): 133-144; DOI: https://doi.org/10.56535/jmpm.v47i7.83	08/2022
50	Thực trạng điều trị thuốc sinh học ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp tại khoa cơ xương khớp bệnh viện Bạch Mai	3		Tạp chí y học Việt Nam/1859-1868		508 (1): 272-277	01/11/2021
51	Tác dụng của cao dịch chiết sương sáo (mesona chiensis benth.) trong dự phòng đái tháo đường trên chuột nhắt trắng ăn khẩu phần giàu chất béo	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐHTN/1859-2171		226(05): 8 – 14	03/2021
52	Hiệu quả an thần Midazolam trong điều trị nha khoa cho trẻ em (Systematic review và Meta analysis)	6		Tạp chí Nghiên cứu Y học/2354-080X		143 (7): 233-247	11/2021
53	Thực trạng stress và một số yếu tố liên quan ở sinh viên	3		Tạp chí Nghiên cứu		142(6): 68-77	05/2021

	Răng hàm mặt Trường Đại học Y Hà Nội			Y học/2354- 080X				
54	Expression of il6 mrna is independent with expression of tlrs mrna in lipopolysaccharide- treated myotubes	4		HNUE Journal of Science, Natural Sciences/235 4-1075			65 (6): 130-135; DOI: 10.18173/ 2354- 1059.2020 -0037	05/2021
55	Effect of free fatty acid on expression of light and HVEM mRNA levels in cultured skeletal muscle cells	3		Hanoi Journal of Science, Natural Science/261 5-9317			65 (10): 108-113	10/2020
56	Effect of bitter melon (momordica charantia linn.) extract on gross morphology and weight of some metabolic tissues in mice	5		HNUE Journal of Science, Natural Sciences/235 4-1075			64 (6): 144-150	04/2020
57	High-fat diet feeding induces hypertrophic responses in some metabolic and immune tissues in swiss mice	7		HNUE Journal of Science, Natural Sciences/235 4-1075			64 (10): 123-130	04/2020
58	Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan ở trẻ béo phì từ 6 đến 8 tuổi tại bệnh viện nhi trung ương năm 2018-2019	5		Tạp chí Y học thực hành/1859- 1663			9 (1109): 19-22	01/2019
59	Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan ở trẻ béo phì từ 6 - 8 tuổi có chỉ số khối cơ thể BMI bình thường tại bệnh viện nhi trung ương năm 2019	5		Tạp chí Y học thực hành/1859- 1663			8 (1106): 19-22	01/2019
60	Characteristics of white adipose tissue shape and weight in	4		HNUE Journal of Science,			63 (11): 142-146	11/2018

	the restricted high-fat diet-fed mice			Natural Sciences/2354-1075				
Bài báo xuất bản trên hội nghị khoa học quốc gia								
61	Knowledge about obesity and overweight, and effects of educational interventions in adolescents aged 15-17 years in the suburban area in Hanoi, Vietnam	4	X (Tác giả liên hệ)	Hội nghị khoa học quốc gia về Nghiên cứu và giảng dạy Sinh học lần thứ 5/NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-065-6			679-685	08/2022
62	RNA isolation and adipose biomarkers' expression in fresh versus frozen mouse fat tissues	2	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc 2021; Nhà xuất bản Đại học Thái nguyên năm 2021/978-604-9987-88-5			463-467	10/2021
63	Free fatty acid enhances expression of inflammatory markers il6, tlr2, tlr4 in c2c12 muscle cells	4		Hội nghị khoa học quốc gia về Nghiên cứu và giảng dạy Sinh học lần thứ lần / NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-9955-25-5			646-651	07/2020
Chương sách quốc tế uy tín								
64	Chương 4.08: "Adipose Stem Cells for Metabolic Disorders: The Findings and	5	X (Tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-443-15718-9		0	Chương 4.08: 115-122; DIO: https://doi.org/10.10	08/2024

	Potential Applications", Trong sách: Comprehensive Hematology and Stem Cell Research						16/B978-0-443-15717-2.00065-2	
65	Chương 2: "Computational Tools for Genomics Data Analysis" Trong Sách: Advances in Genomics: Methods and Applications	5	X (Tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Springer Nature/978-981-97-3169-5		1	Chương 2: 41-54; DIO: https://doi.org/https://doi.org/10.1007/978-981-97-3169-5_2	07/2024
66	Chương 8: "Metagenomics and its Applications" Trong Sách: Advances in Genomics: Methods and Applications	2	X (Tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Springer Nature/978-981-97-3169-5		0	Chương 8: 167-180; DIO: https://doi.org/10.1007/978-981-97-3169-5_8	07/2024
67	Chương 3: "Epigenetic regulation in ovarian cancer", Trong Series sách: International Review of Cell and Molecular Biology, tập 387- Epigenetic Regulation of Cancer - Part C	3	X (Tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-443-21446-2	Scopus, Q1, CiteScore= 7.7	0	Chương 3: 77-98; DIO: https://doi.org/10.1016/bs.ircmb.2024.03.007	05/2024
68	Chương 6: "Epigenetic contribution to the relationship between obesity and cancer", Trong Series sách International Review of Cell and Molecular Biology, tập 387- Epigenetic Regulation of Cancer - Part C	4	X (Tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-443-21446-2	Scopus, Q1, CiteScore= 7.7	1	Chương 6: 195-213; DIO: https://doi.org/10.1016/bs.ircmb.2024.03.007	05/2024
69	Chương 6: "Histone modifications in fat metabolism and	3	X (Tác giả đầu,	Nhà xuất bản Elsevier/978	Scopus, Q4,	3	Chương 4: 135-152; DIO:	04/2023

	obesity" Trong series sách Progress in Molecular Biology and Translational Science, Tập 197: Epigenetics in Health and Disease - Part A		tác giả liên hệ)	-0-443-18669-1	CiteScore= 5.0		https://doi.org/10.1016/bs.pmbts.2023.01.003	
70	Chương 7: "Role of DNA methylation in diabetes and obesity" Trong series sách Progress in Molecular Biology and Translational Science, Tập 197: Epigenetics in Health and Disease - Part A	4	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-443-18669-1	Scopus, Q4, CiteScore= 5.0	8	Chương 7: 153-170; DIO: https://doi.org/10.1016/bs.pmbts.2023.01.008	04/2023
71	Chương: "The Gene Expression and Mutations in Ovarian Cancer: Current Findings and Applications" Trong Sách: Gynecological Cancers: An Interdisciplinary Approach	7	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Springer Nature/978-3-031-90397-7		2	193–211; DIO: https://doi.org/10.1007/16833_2022_123	02/2023
72	Chương 12: "Adrenoceptors and SCD1 in adipocytes/adipose tissues: The expression and variation in health and obesity" Trong series sách Progress in Molecular Biology and Translational Science, Tập 194: Receptor Endocytosis and Signalling in Health and Disease - Part A	3	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-443-19185-5	Scopus, Q4, CiteScore= 5.0	2	Chương 12: 311-332; DIO: https://doi.org/10.1016/bs.pmbts.2022.06.024	01/2023

73	Chương 15: "Frizzled receptors and SFRP5 in lipid metabolism: Current findings and potential applications" Trong series sách Progress in Molecular Biology and Translational Science, Tập 194: Receptor Endocytosis and Signalling in Health and Disease - Part A	2	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-443-19185-5	Scopus, Q4, CiteScore= 5.0	6	Chương 15: 377-393; DIO: https://doi.org/10.1016/bs.pmbts.2022.06.025	01/2023
74	Chương: "Cancer and Lipid Metabolism: Roles of Adipocytes on Tumor Microenvironment" Trong Sách: Handbook of Cancer and Immunology	6	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Springer Nature/978-3-030-80962-1		0	195-213; DIO: https://doi.org/10.1007/978-3-030-80962-1_106-1	05/2022
75	Chương 8: "Autoimmune diseases and metabolic disorders: Molecular connections and potential therapeutic targets" trong Sách: Translational Autoimmunity: Autoimmune Diseases in Different Clinical Settings, Tập 3	9	X (Tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-323-85415-3		1	Chương 8: 169-183; DIO: https://doi.org/10.1016/B978-0-323-85415-3.00018-0	01/2022
76	Chương 7: "Paramyxoviridae (Paramyxovirus, Measles Virus, Mumps Virus, RSV)" trong Sách: Encyclopedia of Infection and Immunity Volume , Tập 2	4	X (Tác giả đầu, tác giả liên hệ)	Nhà xuất bản Elsevier/978-0-323-90303-5		0	Chương 7: 79-85; DOI: https://doi.org/10.1016/B978-0-12-818731-9.00194-4	04/2022

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín WoS/Scopus mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ là **32** bài (gồm các bài có số TT: 07, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 39, 40, 41, 43, 44, và 45).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích (*được chấp nhận đơn*)

TT	Tên độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích	Tên cơ quan chấp nhận đơn	Số và ngày quyết định về việc chấp nhận đơn hợp lệ	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Quy trình <i>in vitro</i> phát hiện biến thể trên gen BRCA1 hoặc BRAC2 ứng dụng phát triển xét nghiệm (Số đơn: 1-2024-04800)	Cục sở hữu trí tuệ	119295/QĐ-SHTT, ngày 11/10/2025	Tác giả chính	05
2	Hệ để đánh giá khả năng kích thích hình thành tế bào mỡ sinh nhiên <i>in vitro</i> (Số đơn: 1-2024-07668)	Cục sở hữu trí tuệ	147429/QĐ-SHTT, ngày 13/12/2024	Tác giả chính	05

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng Chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ kỹ thuật y sinh	Chủ trì (Tổng giáo sư trưởng tổ công tác)	Theo quyết định số 91/QĐ-KQT ngày 25/01/2022	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 4774/QĐ- ĐHQGHN ngày 14/12/2023	Chương trình đang triển khai đào tạo

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Chu Đình Tới